TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 175/2019/HSPT Ngày 19-6-2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Nguyễn Huờn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2019/HSPT ngày 26/4/2019 đối với bị cáo Lê Duy C và đồng bọn về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 18/3/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: **Lê Duy C**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1990; tại tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn TT, xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Duy C2, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 đều trú tại: Thôn TT, xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; có vợ là N Thị Thu T, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2012; tiền sự: Không.

Bị cáo có 02 tiền án:

+ Ngày 14/9/2012, bị Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 108/2012/HSST.

+ Ngày 24/3/2014, bị Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo Bản án số 96/2014/HSST. Tổng hình phạt với bản án số 108/2012/HSST, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm 02 tháng tù. Ngày 05/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

Nhân thân: Ngày 04/6/2008, bị Toà án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 61/2008/HSST. Ngày 01/9/2008 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2018, có mặt.

2. Bị cáo: **Lê Văn C1**; (tên gọi khác: Vũ Văn G, M); sinh năm 1993; tại tỉnh Bình T7; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn X, xã VH, huyện ĐL, tỉnh Bình T7; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Văn B, sinh năm 1966 và con bà Phạm Thị S sinh năm 1965 đều trú tại: Thôn X, xã VH, huyện ĐL, tỉnh Bình T7; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 24/02/2014, bị Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình T7, xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 07/2014/HSST. Ngày 09/11/2016 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xoá án tích.

Nhân thân: Ngày 30/8/2010, bị Toà án nhân dân tỉnh Bình T7 xét xử phúc thẩm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 138/2010/HSPT. Ngày 25/3/2011, chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự.

Ngày 28/10/2011, bị Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình T7, xử phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 62/2011/HSST. Ngày 18/01/2013, chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2018, có mặt.

3. Bị cáo: **Nguyễn Công T1**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1988; tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn Y, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Công T2 (đã chết) và con bà Lê Thị T3, sinh năm 1962 trú tại: Xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 09/3/2011, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 74/2011/HSST. Ngày 21/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2018, có mặt.

4. Bị cáo: **Nguyễn Văn D**; tên gọi khác: DT; sinh năm 1992; tại tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn Z, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1960 và con bà Lưu Thị

C3, sinh năm 1964 đều trú tại: Thôn Z, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước; có vợ là Võ Thị Hồng L, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2015, đều trú tại: Thôn TP, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/6/2011, bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước, xét xử Phúc thẩm xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 97/2011/HSPT. Ngày 25/11/2011 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xoá án tích.

Ngày 16/12/2013, bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước, xét xử Phúc thẩm xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 178/2013/HSPT, bị cáo được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2018, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI D1 CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1 vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và mua ma tuý sử dụng, nên Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D đã rủ nhau cùng trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào ngày 02/7/2018, Lê Duy C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 93P2- 273.87 chở Lê Văn C1 mang theo 01 bộ "Vam" phá khoá xe mô tô bằng kim loại đi từ tỉnh Bình Phước đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để trộm cắp xe mô tô của người dân. Khi đi đến khu vực trước Siêu thị Coopmart, thành phố B, Duy C gọi điện cho Nguyễn Công T1, là người quen của Duy C ra đón. T1 đồng ý và cùng với bạn gái là Nguyễn Thị Thanh D1 (sinh năm 1985; trú tại: đường K, phường TN, thành phố B), đi xe Taxi đến đón Duy C và Văn C1. Sau đó cùng nhau đến thuê phòng tại nhà nghỉ 58, tại địa chỉ: 58 đường Đ, phường TL, thành phố B, nghỉ lại. Tại đây, Duy C nói cho T1 biết mục đích của Duy C, Văn C1 đến địa bàn thành phố B, là để trộm cắp xe mô tô và rủ T1 cùng tham gia. T1 đồng ý và nói với Duy C tại địa bàn thành phố B, T1 thông thạo đường xá đi lại, có quan hệ quen biết nếu trộm cắp được chiếc xe mô tô nào thì đưa cho T1 đi cất giấu, tìm người bán lấy tiền chia nhau. Đến khoảng 20 giờ ngày 04/7/2018, Lê Văn C1 điều khiển xe mô tô biển số 93P2- 273.87 chở Lê Duy C đi từ nhà nghỉ dạo trên các tuyến đường thuộc trung tâm thành phố B, khi đi đến tiệm cho thuê áo cưới, tại số 298 đường H, phường TL, thành phố B, thì thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda SH150, biển số 47B1- 745.78, của anh Đinh Quốc N dựng trên vỉa hè trước tiệm cho thuê áo cưới, không có người trông coi, Văn C1 dừng xe gần đó đứng cảnh giới, còn Duy C đi lại chiếc xe mô

tô của anh N lén lút dùng "Vam'' phá khoá xe mô tô mang sẵn theo người, bẻ ổ khoá điện và nổ máy xe điều khiển tẩu thoát. Văn C1 điều khiển xe mô tô biển số 93P2- 273.87, chạy theo sau. Khi đi đến khu vực đường G, thuộc phường TT, thành phố B, thì cả hai dừng lại. Tại đây, Duy C gọi điện thoại nói cho T1 đến đem chiếc xe trộm cắp được đi cất giấu thì T1 đồng ý và thuê xe Taxi (không rõ người điều khiển) đến gặp Duy C và Văn C1 để đem xe trộm cắp đi cất giấu. Sau khi gặp nhau, Duy C giao chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cho T1 và Văn C1, rồi điều khiển xe mô tô biển số 93P2- 273.87 về lại nhà nghỉ, còn T1 và Văn C1 điều khiển chiếc xe mô tô biển số 47B1- 745.78 đi tìm địa điểm cất giấu. Trên đường đi cả hai tháo chiếc biển số 47B1- 745.78 vứt bỏ (do không xác định được địa điểm, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được). Sau đó, cả hai điều khiển chiếc xe mô tô trên đi đến gửi tại nhà vợ chồng anh Nguyễn Công T5 và chị Vũ Thị T6 (anh T5 là em ruột của T1), địa chỉ: Thôn ĐG, xã BT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. T1 và Văn C1 không nói cho anh T5, chị T6 biết đây là xe do trộm cắp mà có. Ngày 06/7/2018, chị Vũ Thị T6 đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại SH150 màu sơn trắng - đen (không gắn biển số), là vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 223/KLĐG ngày 11 tháng 10 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại SH150, màu sơn trắng đen (xe nhập mới), biển số 47B1-745.78, số máy 1025054KTGE1, số khung 10B09F014399, D1 tích xi lanh 152; trị giá: 135.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 05/7/2018, Nguyễn Văn D và Nguyễn Đình T7 (sinh năm 1991; trú tại: xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước), điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Eciter 150 màu đen, biển số 93P2- 183.57 mang theo 01 bộ "Vam'' phá khoá xe mô tô bằng kim loại đi từ nhà của D tại tỉnh Bình Phước với ý định đến thành phố N, tỉnh Khánh Hoà, để tìm kiếm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền chia nhau. Trên đường đi thì D sử dụng điện thoại di động gọi cho Lê Duy C mục đích để hỏi thăm. Lúc này, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Honda SH150, biển số 47B1- 745.78, thì Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Thị Thanh D1 chuyển đến thuê phòng tại nhà nghỉ BN, địa chỉ: phường ET, thành phố B, nên khi nghe D gọi điện thoại nói đang trên đường đi đến thành phố B, thì Duy C rủ D cùng T7 ở lại thành phố B chơi. D đồng ý và cùng T7 đến nhà nghỉ BN thuê phòng nghỉ lại. Sau đó cả nhóm rủ nhau cùng đi ăn nhậu. Trong lúc ăn nhậu thì có em ruột của T1 là Nguyễn Công T8 (sinh năm 1994; trú tại: xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk), đến cùng tham gia. Sau khi ăn nhậu xong cả nhóm quay về nhà nghỉ BN. Tại đây, T1, Văn C1, Duy C và D tập chung tại phòng trọ của T1 thuê và cùng nhau sử dụng ma tuý

đá, rồi rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô, T1 nói với cả nhóm là T1 thông thạo đường tại địa bàn thành phố B, để T1 dẫn đường cho cả nhóm đi tìm xe mô tô trộm cắp. Lúc này, do nhậu về mệt nên T7 đi về phòng riêng nghỉ, còn T8 và D1 không ở trong phòng nên đều không biết. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô biển số 93P2-183.57 chở D (mang theo 01 vam phá khoá) chạy trước dẫn đường, còn Văn C1 điều khiển xe mô tô biển số 93P2- 273.87 chở Duy C (mang theo 01 vam phá khoá) chạy theo sau và đi dạo trên các tuyến đường thuộc trung tâm thành phố B, tìm kiếm xe mô tô của người dân sơ hở trong quản lý để trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đang đi trên đường YA, thuộc phường TL, thành phố B, thì Văn C1 nhìn thấy trong đường hẻm phía trước tiệm bán quần áo, tại địa chỉ: đường YA, phường TL, thành phố B, có chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125, màu sơn trắng, biển số 47B1- 777.69 của chị Nguyễn Thị Ngọc B1 (sinh năm 1998; trú tại: xã HK, thành phố B) đang dựng trên vỉa hè phía trước tiệm bán quần áo. Quan sát không thấy người trông coi, Văn C1 liền dừng xe lại cho Duy C đi bộ đến chiếc xe mô tô của chị B1 để trộm cắp. T1 và D thấy vậy cũng dừng xe lại cùng Văn C1 đứng ngoài đường cảnh giới. Duy C lén lút dùng "Vam'' phá khoá, bẻ ổ khoá điện chiếc xe mô tô biển số 47B1- 777.69 và nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Văn C1, Thành và D cùng điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Khi đi đến khu vực đầu đường YM, thuộc phường TL, thành phố B, Duy C giao chiếc xe mô tô biển số 47B1- 777.69, vừa trộm cắp cho T1 đem đi cất giấu, rồi cùng D và Văn C1 đi đến địa bàn huyện CJ, tỉnh Đắk Nông thuê phòng trọ ngủ lại. T1 một mình điều khiển chiếc xe mô tô biển số 47B1- 777.69 đi đến thị trấn BT, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk, để tìm địa điểm gửi xe. Trên đường đi T1 sử dụng điện thoại di động gọi cho bạn là anh Lê T9 (sinh năm 1992; trú tại: đường Đ, thị trấn BT, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk) và nói với anh T9 là T1 đang trên đường đi vào huyện KA, tỉnh Đắk Lắk, nhờ anh T9 cho T1 ngủ lại. Do không có chỗ cho T1 ngủ, nên anh T9 gọi điện cho bạn là anh Hoàng Minh N1 (sinh năm 1994; trú tại: thị trấn BT, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk) nói cho T đến ngủ lại, thì anh N1 đồng ý. Tiếp đó, anh T9 gọi điện cho anh Trần Quốc T10 (sinh năm 1993; trú tại: thị trấn BT, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk) nhờ T10 đón và dẫn T1 đến nhà anh N1. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T1 điều khiển chiếc xe mô tô biển số 47B1- 777.69 đi đến thị trấn BT, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk và được anh T10 đưa đến nhà anh N1. Tại đây, T1 nói với anh N1 cho T1 gửi lại chiếc xe mô tô biển số 47B1- 777.69 anh N1 đồng ý và dắt chiếc xe vào cất trong nhà. Sau đó, anh T10 chở T1 đi ra nhậu cùng với bạn của anh T10 tại trung tâm thị trấn BT. Một lúc sau, T1 đón xe Taxi (không rõ người điều khiển) đi về huyện CJ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 06/7/2018, anh Hoàng Minh N1 đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại SH 125 màu sơn trắng, biển số 47B1-

777.69, là vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 223/KLĐG ngày 11 tháng 10 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại SH125, màu sơn trắng, biển số 47B1-777.69, số máy 1039984KTFE1, số khung 23B0AF048523, D1 tích xi lanh 124; trị giá: 80.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Lê Duy C** 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn C1** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T1** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 21 và 22/3/2019, các bị cáo Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Duy C kháng xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem lại kết quả định giá tài sản đối với các tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội D1 bản cáo trạng cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời, giữ nguyên nội D1 đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt mà mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo đã thực hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng sơ hở của người dân trong việc quản lý tài sản nên vào các ngày 04 và 05/7/2018, các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 đã cùng nhau thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, tài sản các bị cáo trộm cắp được là 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH150 màu sơn trắng - đen, biển số 47B1-745.78 của anh Đinh Quốc N và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại SH125, màu sơn trắng, biển số 47B1-777.69 của của chị Nguyễn Thị Ngọc B1. Tổng giá trị các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 215.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn D tham gia trộm cắp cùng các bị cáo một vụ, tài sản chiếm đoạt được xác định là 80.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 năm tù đối với bị cáo Lê Duy C; 08 năm 06 tháng đối với bị cáo Lê Văn C1 và Nguyễn Công T1; 05 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Văn D là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương; tài sản mà các bị bị chiếm đoạt có giá trị lớn. Trong vụ án này, các bị cáo có độ tuổi còn trẻ, nhưng đều không có nghề nghiệp ổn định

và có nhân thân xấu, đã từng bị kết án bằng hình phạt tù nhiều lần, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội mới. Nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng; tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D.

Đối với yêu cầu của bị cáo Lê Duy C đề nghị xem xét lại kết quả định giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thành lập hội đồng định giá, trình tự, thủ tục tiến hành việc định giá đã được tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Do đó, yêu cầu của bị cáo Lê Duy C là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D: Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Lê Duy C** 09 (chín) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn C1** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T1** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 05 (năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/7/2018.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Duy C, Lê Văn C1, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Tối Cao;*
- *TAND Cấp cao*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);*
- *Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND Tp. B;*
- *VKSND Tp. B;*
- *Công an Tp. B;*
- *CC THADS Tp. B;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh